

**IDICO-IDI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**QUÝ 4 NĂM 2010**

**Đơn vị kế toán** : Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO  
**Mã số thuế** : 0302095576  
**Giấy ĐKKD** : 4103008732 ngày 12/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM  
**Địa chỉ** : Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh  
**Điện thoại** : 08 37503042 Fax: 08 37502825

**Danh mục báo cáo:**

STT	Tên báo cáo	Mẫu số	Trang
1	Bảng cân đối kế toán	B 01a - DN	1-2
2	Báo cáo kết quả kinh doanh	B 02a - DN	3
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	B 03a - DN	4
4	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	B 09a - DN	5-16
5	Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản		

**TP Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2011**

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P Bình Hưng Hòa B, Q Bình Tân, TP HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>43.173.422.069</b>	<b>50.413.076.529</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.871.551.651</b>	<b>3.569.134.959</b>
1. Tiền	111	V.01	3.871.551.651	3.569.134.959
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.000.000.000	12.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.352.123.115</b>	<b>30.608.737.536</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		11.464.691.628	114.414.000
2. Trả trước cho người bán	132		6.814.260.035	1.334.362.255
5. Phải thu khác	135	V.03	5.457.574.062	29.598.631.251
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(384.402.610)	(438.669.970)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>4.530.003.103</b>	<b>2.711.929.757</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.530.003.103	2.711.929.757
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.419.744.200</b>	<b>1.523.274.277</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	9.576.772
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	59.491.683	59.491.683
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.360.252.517	1.454.205.822
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>588.811.120.658</b>	<b>637.268.582.317</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>5.107.511.532</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	825.267.440
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	4.282.244.092
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>476.583.465.838</b>	<b>522.933.415.965</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	463.629.470.232	519.863.592.160
- Nguyên giá	222		779.339.378.606	779.269.819.691
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(315.709.908.374)	(259.406.227.531)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	356.411.117	456.498.065
- Nguyên giá	228		714.424.800	714.424.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(358.013.683)	(257.926.735)
4. Chi phí xây dựng dở dang	230	V.11	12.597.584.489	2.613.325.740
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>112.227.654.820</b>	<b>109.227.654.820</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.930.773.120	14.930.773.120
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	108.757.715.500	108.757.715.500
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(14.460.833.800)	(14.460.833.800)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>631.984.542.727</b>	<b>687.681.658.846</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P Bình Hưng Hòa B, Q Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

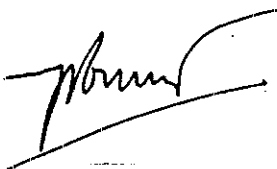
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>352.774.312.010</b>	<b>429.384.173.151</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.358.026.031</b>	<b>22.510.761.320</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	0	11.272.000.000
2. Phải trả người bán	312		6.017.840.891	7.286.507.192
3. Người mua trả tiền trước	313		0	-
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.826.759.232	1.345.300.807
5. Phải trả người lao động	315		1.667.210.909	2.261.025.583
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	12.846.214.999	131.954.542
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		0	213.973.196
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>330.416.285.979</b>	<b>406.873.411.831</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	64.288.240.880	57.912.024.880
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	266.033.571.399	348.833.571.399
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		94.473.700	127.815.552
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>279.210.230.717</b>	<b>258.297.485.695</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>279.210.230.717</b>	<b>258.297.485.695</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.150.770	9.150.770
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		29.709.079.947	8.796.334.925
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>631.984.542.727</b>	<b>687.681.658.846</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		V.24	-	-
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Người lập



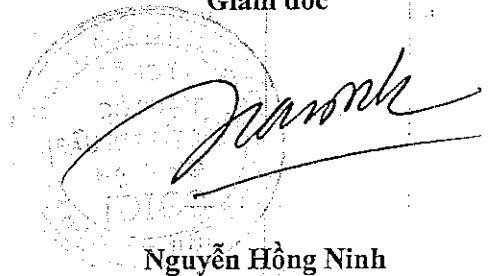
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TĂNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
 Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B 02a - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2010**

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	58.201.606.358	38.698.026.365	182.675.572.897	144.609.415.848
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV(10=01-02)	10		58.201.606.358	38.698.026.365	182.675.572.897	144.609.415.848
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	31.447.962.689	30.178.687.456	80.678.568.637	53.002.807.479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20=10-11)	20		26.753.643.669	8.519.338.909	101.997.004.260	91.606.608.369
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	336.282.955	1.645.965.792	6.522.013.700	16.107.155.454
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	9.491.768.590	5.479.006.057	42.539.747.051	54.061.085.856
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.491.768.590	9.470.471.457	42.539.747.051	41.993.934.456
8. Chi phí bán hàng	24		4.105.421.206	6.116.335.735	16.531.735.747	18.022.116.473
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.247.097.532	2.148.832.158	6.977.112.636	7.565.935.444
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD[30=20+(21-22)-(24+25)]	30		12.245.639.296	(3.578.869.249)	42.470.422.526	28.064.626.050
11. Thu nhập khác	31		733.798	51.076.209.319	3.845.017	51.151.760.015
12. Chi phí khác	32		10.866.037	45.511.491.814	11.534.421	45.564.592.442
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(10.132.239)	5.564.717.505	(7.689.404)	5.587.167.573
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.235.507.057	1.985.848.256	42.462.733.122	33.651.793.623
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.235.507.057	1.985.848.256	42.462.733.122	33.651.793.623
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	490		1.702	1.349

Đơn vị tính: VNĐ

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

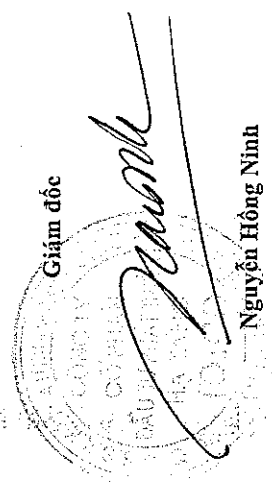
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Signature)*

*(Signature)*



Nguyễn Trương Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2010

Đơn vị tính: VND

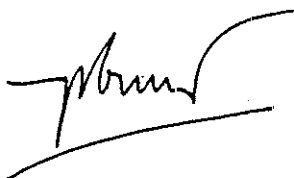

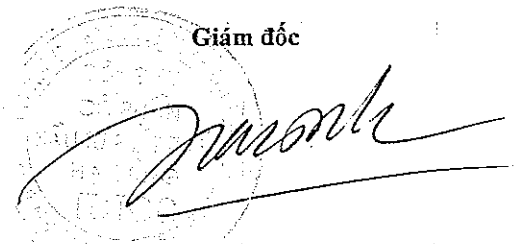
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		190.268.770.000	158.957.143.413
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và DV	02		(28.330.349.414)	(10.186.201.512)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.751.457.826)	(14.658.889.128)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(42.539.747.051)	(41.993.934.456)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		28.029.399.496	21.145.387.546
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(43.653.945.843)	(24.805.886.606)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>89.022.669.362</b>	<b>88.457.619.257</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(164.314.500)	(180.499.773)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	13.100.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.650.000.000)	(12.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24.650.000.000	(32.254.186.120)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.516.061.830	4.279.715.395
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.351.747.330</b>	<b>(40.141.870.498)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		11.000.000.000	19.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(105.072.000.000)	(78.028.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(94.072.000.000)</b>	<b>(59.028.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>302.416.692</b>	<b>(10.712.251.241)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3.569.134.959</b>	<b>14.281.386.200</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( 70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>3.871.551.651</b>	<b>3.569.134.959</b>

Lập, ngày 15 tháng 11 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý 4 năm 2010***(Tiếp theo)*

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOI An Sương - An Lạc, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (Số cũ: 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 23/11/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249 492 000 000 đồng

Công ty TNHH BOI An Sương - An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Quyết định số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình giao thông đoạn An Sương - An Lạc trên Quốc lộ 1A thuộc địa phận TP. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 05/GPĐC1 - ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 05/GPĐC2 - ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 31/12/2010:**

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nghiệp	35%
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6	12,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng dầu khí IDICO	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	10%
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	10%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng IDICO	2,5%
Các cổ đông khác	20%

**2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302095576 ngày 23/11/2010 (thay đổi lần 4) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng từ kể từ tháng 1 năm 2005.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:****1 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/10/2010 đến 31/12/2010.

**2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý 4 năm 2010**

*(Tiếp theo)*

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

**1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006

**2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

**3 Hình thức kế toán áp dụng:**

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

**1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

**2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi:**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý 4 năm 2010***(Tiếp theo)***4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<i>Số năm khấu hao</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.I được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa vào hoạt động, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An sương - An lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Phần mềm quản lý thu phí***

Phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

**Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang:**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

**5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Quý dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài Chính



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý 4 năm 2010***(Tiếp theo)***8 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu:**

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé “Cước đường bộ” lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**12 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**13 Các bên liên quan:**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2010**

*(Tiếp theo)*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2010	01/01/2010
<b>1 Tiền</b>		
Tiền mặt	1.709.616.388	1.054.451.000
Tiền gửi ngân hàng	2.161.935.263	2.514.683.959
<b>Cộng</b>	<b>3.871.551.651</b>	<b>3.569.134.959</b>
<b>2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)	8.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
<b>3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
IDICO-URBIZ	1.677.341.315	10.596.513.346
IDICO- UDICO	-	10.254.360.045
IDICO-COMATRA	663.373.996	7.162.357.886
IDICO-CONAC	2.286.308.092	-
CNV - IDICO	-	343.603.000
Đối tượng khác	830.550.659	1.241.796.974
<b>Cộng</b>	<b>5.457.574.062</b>	<b>29.598.631.251</b>
<b>4 Hàng tồn kho</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	208.483.338	96.740.330
Công cụ, dụng cụ	15.178.160	15.272.096
Chi phí sản xuất dở dang	4.306.341.605	2.599.917.331
<b>Cộng</b>	<b>4.530.003.103</b>	<b>2.711.929.757</b>
<b>(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:</b>	<b>4.306.341.605</b>	<b>2.599.917.331</b>
<i>Trụ sở làm việc HĐND Tỉnh Hậu Giang</i>	<i>1.810.887.689</i>	<i>1.599.450.502</i>
<i>Trụ sở làm việc Ban Dân tộc Tỉnh Hậu Giang</i>	<i>383.134.631</i>	<i>998.466.829</i>
<i>Trường PTTH Chiêm Thành Tấn</i>	<i>2.112.319.285</i>	<i>2.000.000</i>
<b>5 Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>		
Thuế xuất nhập khẩu được miễn	59.491.683	59.491.683
Thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>59.491.683</b>	<b>59.491.683</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2010**

*(Tiếp theo)*

**8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu quý	770.796.286.225	6.647.419.063	1.478.881.600	416.791.718	779.339.378.606
- Mua trong quý	-	-	-	-	-
-ĐT XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>770.796.286.225</b>	<b>6.647.419.063</b>	<b>1.478.881.600</b>	<b>416.791.718</b>	<b>779.339.378.606</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu quý	296.818.441.375	3.223.760.568	1.004.773.073	295.503.755	301.342.478.771
- Khấu hao trong quý	14.092.888.352	226.349.166	32.214.544	15.977.541	14.367.429.603
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>310.911.329.727</b>	<b>3.450.109.734</b>	<b>1.036.987.617</b>	<b>311.481.296</b>	<b>315.709.908.374</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu quý	473.977.844.850	3.423.658.495	474.108.527	121.287.963	477.996.899.835
Số dư cuối quý	459.884.956.498	3.197.309.329	441.893.983	105.310.422	463.629.470.232

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 100.636.757

**10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu quý	-	-	-	714.424.800	714.424.800
- Mua trong quý	-	-	-	-	-
-ĐT XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>714.424.800</b>	<b>714.424.800</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu quý	-	-	-	332.991.946	332.991.946
- Khấu hao trong quý	-	-	-	25.021.737	25.021.737
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối quý</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>358.013.683</b>	<b>358.013.683</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu quý	-	-	-	381.432.854	381.432.854
Số dư cuối quý	-	-	-	356.411.117	356.411.117

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 năm 2010

*(Tiếp theo)*

	31/12/2010	01/01/2010
<b>11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án cải tạo quốc lộ 1A đoạn An Sương An Lạc	7.563.115.810	1.222.958.370
Dự án đường song hành Hà Huy Giáp, Q12	2.128.343.039	1.281.922.970
Dự án Đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến QL1A	557.915.774	20.433.000
Các dự án khác	89.345.900	88.011.400
Sửa chữa lớn TSCĐ	2.258.863.966	
<b>Cộng</b>	<b>12.597.584.489</b>	<b>2.613.325.740</b>
<b>13 Đầu tư dài hạn khác</b>		
Đầu tư cổ phiếu	108.757.715.500	108.757.715.500
+ Cty CP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO		
Số lượng cổ phần SHP	2.992.103	2.992.103
Giá trị đầu tư	85.274.935.500	85.274.935.500
+ Cty CP XNK Sản xuất gia công và bao bì		
Số lượng cổ phần PACKSIMEX	1.476.490	1.476.490
Giá trị đầu tư	23.482.780.000	23.482.780.000
<b>Cộng</b>	<b>108.757.715.500</b>	<b>108.757.715.500</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán SHP	(14.460.833.800)	(14.460.833.800)
<b>14 Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>Cộng</b>	-	-
<b>15 Vay và nợ ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn	-	11.272.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>11.272.000.000</b>
<b>16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế GTGT	1.816.200.380	1.297.321.844
Thuế INCN	10.558.852	47.978.963
<b>Cộng</b>	<b>1.826.759.232</b>	<b>1.345.300.807</b>
<b>18 Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
Kinh phí công đoàn	59.230.997	46.826.455
Bảo hiểm xã hội	-	4.032.621
Bảo hiểm y tế	-	-
Cổ tức tạm ứng đợt I năm 2010	8.628.397.918	57.985.188.106
Phải trả phải nộp khác ngắn hạn khác	4.150.473.846	73.163.226
Bảo hiểm thất nghiệp	8.112.238	7.932.240
<b>Cộng phải trả phải nộp ngắn hạn</b>	<b>12.846.214.999</b>	<b>58.117.142.648</b>
<b>Phải trả dài hạn IDICO</b>	<b>64.288.240.880</b>	<b>57.912.024.880</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P Bình Hưng Hòa B, Q Bình Tân, TP HCM

Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý 4 năm 2010***(Tiếp theo)*

<b>Tổng cộng phải trả phải nộp khác</b>	<b>77.134.455.879</b>	<b>116.029.167.528</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Vay dài hạn ngân hàng	266.033.571.399	348.833.571.399
<b>Cộng</b>	<b>266.033.571.399</b>	<b>348.833.571.399</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư 01/01/2009</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>51.076.159.164</b>		<b>(23.590.404.871)</b>	<b>276.977.754.293</b>
<b>Tăng trong kỳ trước</b>	-	-	<b>9.150.770</b>	<b>33.651.793.623</b>	<b>33.660.944.393</b>
Lãi				33.651.793.623	33.651.793.623
Tăng khác			9.150.770		9.150.770
<b>Giảm trong kỳ trước</b>	-	<b>51.076.159.164</b>	-	<b>1.265.053.827</b>	<b>52.341.212.991</b>
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	51.076.159.164	-	1.265.053.827	52.341.212.991
<b>Số dư 31/12/2009</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.150.770</b>	<b>8.796.334.925</b>	<b>258.297.485.695</b>
<b>Số dư 01/01/2010</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.150.770</b>	<b>8.796.334.925</b>	<b>258.297.485.695</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	-	<b>42.462.733.122</b>	<b>42.462.733.122</b>
Lãi				42.462.733.122	42.462.733.122
Tăng khác				-	-
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	<b>21.549.988.100</b>	<b>21.549.988.100</b>
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	19.959.360.000	19.959.360.000
Giảm khác	-	-	-	1.590.628.100	1.590.628.100
<b>Số dư 31/12/2010</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.150.770</b>	<b>29.709.079.947</b>	<b>279.210.230.717</b>

<b>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của chủ sở hữu	249.492.000.000	249.492.000.000
<b>Cộng</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>249.492.000.000</b>

<b>c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>4.490.856.000</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2010**

*(Tiếp theo)*

d. <b>Cổ tức</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
e. <b>Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.949.200	24.949.200
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu	10.000	10.000
f. <b>Các quỹ của DN</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Quỹ đầu tư phát triển	9.150.770	9.150.770
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.150.770</b>	<b>9.150.770</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

<b>25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý 4 năm 2010</b>	<b>Quý 4 năm 2009</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	40.059.013.634	38.594.013.638
Doanh thu xây lắp	18.142.592.724	104.012.727
<b>Cộng</b>	<b>58.201.606.358</b>	<b>38.698.026.365</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Quý 4 năm 2010</b>	<b>Quý 4 năm 2009</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	40.059.013.634	38.594.013.638
Doanh thu xây lắp	18.142.592.724	104.012.727
<b>Cộng</b>	<b>58.201.606.358</b>	<b>38.698.026.365</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL.1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2010***(Tiếp theo)*

	Quý 4 năm 2010	Quý 4 năm 2009
<b>26 Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn cung cấp dịch vụ (doanh thu trừ cước đường bộ)	14.400.394.211	30.093.241.623
Giá vốn xây lắp	17.047.568.478	85.445.833
<b>Cộng</b>	<b>31.447.962.689</b>	<b>30.178.687.456</b>
<b>27 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	336.282.955	1.645.965.792
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>336.282.955</b>	<b>1.645.965.792</b>
<b>28 Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	42.539.747.051	9.470.471.457
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(3.991.465.400)
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.539.747.051</b>	<b>5.479.006.057</b>
<b>29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí Thuế TNDN trong kỳ	-	-
<b>30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.235.507.057	1.985.848.256
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.235.507.057	1.985.848.256
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	490	80
<b>31 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.530.379.355	2.214.551.373
Chi phí nhân công	7.016.834.653	6.981.642.467
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.392.451.340	75.356.271.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.121.279.354	1.154.834.023
Chi phí khác bằng tiền	666.564.116	870.200.046
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.727.508.818</b>	<b>86.577.499.744</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2010**

*(Tiếp theo)*

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan (*)	Số dư đầu kỳ (01/01/2010)	Phát sinh nợ (01/01->31/12)	Phát sinh có (01/01->31/12)	Số dư cuối kỳ (31/12/2010)	SL sở hữu cổ phần IDICO-IDI
<b>IDICO</b>	<b>(Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam)</b>				<b>8 732 220 cổ phần</b>
Phải thu		28.951.140.188	18.192.916.000	10.758.224.188	
Phải trả	57.912.024.880	759.160.000	7.135.376.000	64.288.240.880	
<b>CIENCO6</b>	<b>(Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6)</b>				<b>3.118.650 cổ phần</b>
Phải thu					
Phải trả	(100.000.000)	58.203.400	2.653.123.400	2.494.920.000	
<b>IDICO-CONAC</b>	<b>(Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO)</b>				<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	4.282.244.092	-	1.995.936.000	2.286.308.092	
Phải trả					
<b>IDICO-UDICO</b>	<b>(Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO)</b>				<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	10.254.360.045	638.681.833	10.893.041.878	-	
Phải trả	333.398.850	333.398.850	1.995.936.000	1.995.936.000	
<b>IDICO-URBIZ</b>	<b>(Công ty TNHH MIV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO)</b>				<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	10.596.513.346	757.513.969	9.676.686.000	1.677.341.315	
Phải trả					
<b>IDICO-COMAIRA</b>	<b>(Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO)</b>				<b>623.730 cổ phần</b>
Phải thu	7.162.357.996	-	6.498.984.000	663.373.996	
Phải trả					



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2010**

**2 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009, báo cáo tài chính quý 4 năm 2009

**3 Thông tin về hoạt động liên tục**

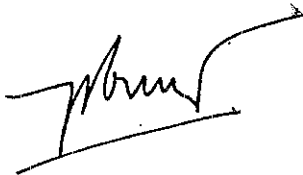
Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn hoạt động bình thường, không có dấu hiệu ngừng trệ kinh doanh

**4 Những thông tin khác**

Trong báo cáo tài chính, có những chỉ tiêu không có thông tin hoặc không có liên quan đến đơn vị theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính Công ty không trình bày và vẫn giữ nguyên số thứ tự theo quy định

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2011

Người lập



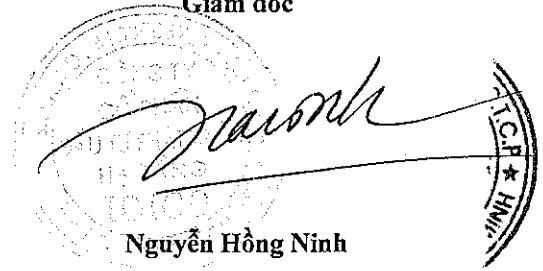
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh